

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HS - ST
Ngày 13/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG – TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vĩnh và bà Nguyễn Thị Là.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Trà Giang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 5 và 13 tháng 6 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2023/TLST - HS ngày 23/3/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST - HS ngày 14/4/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐ-ST ngày 28/4/2023; Quyết định ngừng phiên tòa ngày 18/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12A/2023/QĐ-ST ngày 23/5/2023 đối với :

Bị cáo: Đặng Văn T; Sinh ngày 15/5/1994, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Số thẻ CCCD: 031094015639. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đặng Văn C, Con bà Nguyễn Thị L; Có vợ: Đỗ Thị M; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;

2. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

3. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã L, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội (hiện đang tạm trú tại xã Đông X, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình).

4. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1960, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú: Thôn Thọ T, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

6. Chị Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: Thôn Thống N, xã Đ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (hiện đang bán hàng tại xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình).

7. Chị Hà Thị H, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

8. Bà Lưu Thị M, sinh năm 1961, hộ khẩu thường trú: Thôn B Động, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

9. Chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

10. Anh Lâm Duy M, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Tân H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

(Đều vắng mặt)

11. Chị Đặng Thị Phương L, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Bà L có mặt tại phiên tòa ngày 18/5/2023 vắng mặt tại phiên tòa ngày 13/6/2023)

12. Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1997 – Là vợ bị cáo T

Nơi cư trú: Thôn Phương T, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến vụ án tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T làm nghề lao động tự do, không có đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực cho vay tín dụng. Từ cuối tháng 10/2021 đến đầu tháng 12/2022, lợi dụng một số người dân làm nghề buôn bán trên địa bàn huyện Đông Hưng cần vốn kinh doanh, Tuyên đã cho 10 người vay tiền với lãi suất cao. T quy định số tiền mỗi lần cho vay từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, thời hạn vay cố định là 60 ngày, lãi suất cố định phải trả là 121,7%/năm; số tiền gốc và lãi người vay phải trả cho T được chia đều cho 60 ngày kể từ sau ngày vay; cứ 05 ngày T sẽ đến thu tiền gốc và lãi một lần (cho vay dưới hình thức bốc bát họ); Cụ thể:

Với số tiền cho vay 5.000.000 đồng, trong thời hạn vay 60 ngày T sẽ thu 1.000.000 đồng tiền lãi; mỗi ngày T thu của người vay 100.000 đồng trong đó trừ vào

tiền gốc là 83.400 đồng, còn 16.600 đồng là tiền lãi; 05 ngày một lần, T sẽ đến thu của người vay 50.000 đồng (trong đó có 417.000 đồng tiền gốc, 83.000 đồng tiền lãi).

Với số tiền cho vay 10.000.000 đồng, T sẽ thu 2.000.000 đồng tiền lãi; mỗi ngày T thu của người vay 200.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 166.800 đồng, còn 33.200 đồng tiền lãi; 05 ngày một lần T sẽ đến thu của người vay 1.000.000 đồng (trong đó có 834.000 đồng tiền gốc, 166.000 đồng tiền lãi).

Với số tiền cho vay 15.000.000 đồng, trong thời hạn vay 60 ngày, T sẽ thu 3.000.000 đồng tiền lãi; mỗi ngày T thu của người vay 300.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 250.200 đồng tiền gốc, còn 49.800 đồng tiền lãi; 05 ngày một lần T sẽ đến thu của người vay 1.500.000 đồng (trong đó có 1.251.000 đồng tiền gốc, 249.000 đồng tiền lãi).

Với số tiền cho vay 20.000.000 đồng, trong thời hạn vay 60 ngày, T sẽ thu 4.000.000 đồng tiền lãi; mỗi ngày T thu của người vay 400.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 333.600 đồng, còn 66.400 đồng tiền lãi; 05 ngày một lần T sẽ đến thu của người vay 2.000.000 đồng (trong đó có 1.668.000 đồng tiền gốc, 332.000 đồng tiền lãi).

Với số tiền cho vay 25.000.000 đồng, trong thời hạn vay 60 ngày, T sẽ thu 5.000.000 đồng tiền lãi; mỗi ngày T thu của người vay 500.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 417.000 đồng, còn 83.000 đồng tiền lãi; 05 ngày một lần T sẽ đến thu của người vay 2.500.00 đồng (trong đó có 2.085.000 đồng tiền gốc, 415.000 đồng tiền lãi).

Với số tiền cho vay 30.000.000 đồng, trong thời hạn vay 60 ngày, T sẽ thu 6.000.000 đồng tiền lãi; mỗi ngày T thu của người vay 600.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 500.400 đồng tiền gốc, còn 99.600 đồng tiền lãi; 5 ngày một lần T sẽ đến thu của người vay 3.000.000 đồng (trong đó có 2.502.000 đồng tiền gốc, 498.000 đồng tiền lãi).

Với số tiền cho vay 50.000.000 đồng, trong thời hạn vay 60 ngày T sẽ thu 10.000.000 đồng tiền lãi; mỗi ngày T thu của người vay 1.000.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 834.000 đồng, còn 166.000 đồng tiền lãi; 5 ngày một lần, T sẽ đến thu của người vay 5.000.000 đồng (trong đó có 4.170.000 đồng tiền gốc, 830.000 đồng tiền lãi).

Quá trình điều tra xác định Đặng Văn T đã cho 10 người vay tiền với lãi suất cao, cụ thể là:

1. Bà Nguyễn Thị D: Do cần tiền làm vốn buôn bán, bà D biết T cho vay tiền qua một số người quen giới thiệu nên đã hỏi T vay tiền, T đồng ý. Từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2022 (không xác định được ngày), T cho bà D vay tiền 03 lần, mỗi lần cho vay hay thu tiền T đều trực tiếp đến nhà bà D, hai bên thỏa thuận miệng, không có người chứng kiến và không có tài sản thế chấp. Trong đó tháng 10/2021 cho vay 20.000.000 đồng, tháng 3/2022 cho vay 10.000.000 đồng và tháng 6/2022 cho vay 10.000.000 đồng. Hết thời hạn vay theo thỏa thuận, T đã thu đủ của bà D 40.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi T được phép thu của bà D tương ứng mức lãi suất

cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong 60 ngày là $(40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 60 \text{ ngày} = 1.315.068 \text{ đồng}$. Số tiền T thu lời bất chính của bà D là $8.000.000 \text{ đồng} - 1.315.068 \text{ đồng} = 6.684.932 \text{ đồng}$.

Với cách thức cho vay tương tự T đã cho 09 người khác vay tiền gồm:

2. Ông Vũ Văn T: Từ tháng 11/2021 đến tháng 3/2022 (không xác định được ngày), T cho ông T vay 03 lần mỗi lần vay 20.000.000 đồng, và tổng là 60.000.000 đồng. Hết thời hạn vay theo thỏa thuận T đã thu đủ của ông T 60.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi T được phép thu của ông T tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong 60 ngày là $[60.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365 \text{ ngày})] \times 60 \text{ ngày} = 1.972.602 \text{ đồng}$. Số tiền T thu lợi bất chính của ông T là đối với 03 khoản vay là $12.000.000 \text{ đồng} - 1.972.602 \text{ đồng} = 10.027.398 \text{ đồng}$.

Ngày 17/12/2022, T cho ông T 5.000.000 đồng, đến ngày 23/12/2022 (07 ngày), T đã thu được 1.000.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 834.000 đồng, còn 166.000 đồng tiền lãi. Trong thời gian 07 ngày, T được phép thu của ông T tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là $\{5.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365 \text{ ngày})\} \times 7 \text{ ngày} = 19.178 \text{ đồng}$. Số tiền T thu lợi bất chính của ông T đối với khoản vay này là $166.000 \text{ đồng} - 19.178 \text{ đồng} = 146.822 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của ông T là 10.174.220 đồng.

3. Chị Vũ Thị T: Tháng 01/2022 (không xác định được ngày cụ thể), T cho chị T vay tiền 3 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng; tháng 02/2022 (không xác định được ngày cụ thể) T cho chị T vay hai lần mỗi lần 10.000.000 đồng, với 04 lần cho vay đầu T không yêu cầu chị T phải có tài sản thế chấp, đối với lần vay thứ 5, T yêu cầu phải có tài sản thế chấp nên chị T đã thế chấp cho T 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên chồng chị là anh Nguyễn Như C, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã L, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (việc chị T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp được anh C đồng ý). Hết thời hạn vay theo thỏa thuận T đã thu của chị T 45.000.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 35.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng tiền lãi; chị T xin khất nợ lại 15.000.000 đồng tiền gốc khi nào có tiền sẽ trả và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T đồng ý. Số tiền lãi T được phép thu của chị T tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong 60 ngày của 5 khoản vay là $[50.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365 \text{ ngày})] \times 60 \text{ ngày} = 1.643.835 \text{ đồng}$. Số tiền lãi T đã thu là 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính của chị T là $10.000.000 \text{ đồng} - 1.643.835 \text{ đồng} = 8.356.165 \text{ đồng}$.

4. Bà Trịnh Thị T: Ngày 31/8/2022 T cho bà T vay 15.000.000 đồng. Hết thời gian vay theo thỏa thuận bà T đã trả cho T 6.000.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 5.004.000 đồng, còn 996.000 đồng tiền lãi. Do kinh tế khó khăn bà T xin nợ lại số tiền gốc và lãi còn lại (9.996.000 đồng tiền gốc và 2.004.000 đồng tiền lãi), T đồng ý. Số tiền lãi T được phép thu của bà T tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ

luật Dân sự trong 60 ngày là $[15.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365 \text{ ngày})] \times 60 \text{ ngày} = 493.152 \text{ đồng}$. Số tiền lãi T **thỏa thuận thu của bà T** là 3.000.000 đồng đã thu 493.152 đồng. Như vậy số tiền được tính thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng - 493.152 đồng = **2.506.848 đồng**.

5. Bà Nguyễn Thị N: Ngày 16/9/2022 T cho bà N vay 15.000.000 đồng, hai bên thống nhất bà N trả trước tiền gốc và lãi 10 ngày là 3.000.000 đồng (gồm 2.502.000 đồng tiền gốc, 498.000 đồng tiền lãi), T đưa bà N 12.000.000 đồng. Hết thời hạn vay theo thỏa thuận T đã thu đủ số tiền còn lại là 15.000.000 đồng, trong đó trừ vào tiền gốc 12.498.000 đồng, còn 2.502.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi T được phép thu của bà N tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong 60 ngày là $[15.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365 \text{ ngày})] \times 60 \text{ ngày} = 493.152 \text{ đồng}$. Số tiền lãi T đã thu của bà N là 3.000.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng - 493.152 đồng = 2.506.848 đồng.

6. Chị Nguyễn Ngọc Á: Ngày 05/10/2022 T cho chị Á vay 15.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận chị Á trả trước tiền gốc và lãi của 5 ngày đầu là 1.500.000 đồng trong đó trừ vào tiền gốc 1.251.000 đồng, còn 249.000 đồng tiền lãi, T đưa cho chị Á 13.500.000 đồng. Hết thời gian vay theo thỏa thuận T đã thu đủ của chị Á 16.500.000 đồng, trong đó trừ vào tiền gốc 13.749.000 đồng, còn 2.751.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi T được phép thu của chị Á tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong 60 ngày là $[15.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365 \text{ ngày})] \times 60 \text{ ngày} = 493.152 \text{ đồng}$. Số tiền lãi T đã thu của chị Á là 3.000.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng - 493.152 đồng = 2.506.848 đồng

7. Chị Hà Thị H: Ngày 22/11/2022, T cho chị H vay 50.000.000 đồng. Theo thỏa thuận đến ngày 24/12/2022 T đã thu của chị H 30.000.000 đồng, trong đó trừ vào tiền gốc 24.996.000 đồng, còn 5.004.000 đồng tiền lãi. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/11/2022 đến ngày 24/12/2022 (33 ngày), số tiền lãi T được phép thu của chị H tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là $(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 33 \text{ ngày} = 904.110 \text{ đồng}$. Số tiền lãi T đã thu của chị H là 5.004.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính của chị H là 5.004.000 đồng - 904.110 đồng = 4.099.890 đồng.

8. Bà Lưu Thị M. Ngày 27/11/2022, T cho bà M vay 25.000.000 đồng. Theo thỏa thuận đến ngày 24/12/2022, T đã thu của bà M 12.000.000 đồng, trong đó trừ vào tiền gốc 9.915.000 đồng, còn 2.085.000 đồng tiền lãi. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2022 đến ngày 24/12/2022 (28 ngày), số tiền lãi T được phép thu của bà M tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là $(25.000.000 \text{ đồng} \times 0,2\%/365 \text{ ngày}) \times 28 \text{ ngày} = 383.562 \text{ đồng}$. Số tiền lãi T đã thu của bà M là 2.335.200 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là 2.335.200 đồng - 383.562 đồng = 1.951.638 đồng.

9. Chị Đặng Thị Phương L. Ngày 01/12/2022, T cho chị L vay 15.000.000 đồng. Theo thỏa thuận đến ngày 24/12/2022, T đã thu được của chị L 7.000.000 đồng, trong đó trừ vào tiền gốc 5.800.000 đồng, còn 1.200.000 đồng tiền lãi. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2022 đến ngày 24/12/2022 (24 ngày), số tiền lãi T được phép thu của chị L tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là $(15.000.000 \text{ đồng} \times 0,2\%/365 \text{ ngày}) \times 24 \text{ ngày} = 197.260 \text{ đồng}$. Số tiền lãi T thỏa thuận thu của chị L là 1.200.000 đồng - 197.260 đồng = 1.002.740 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính của chị L là 1.002.740 đồng.

10. Chị Nguyễn Hoài T: Ngày 01/12/2022, T cho chị T vay 15.000.000 đồng. Theo thỏa thuận đến ngày 24/12/2022, T đã thu được của chị T 7.000.000 đồng, trong đó trừ vào tiền gốc 5.800.000 đồng, còn 1.200.000 đồng tiền lãi. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2022 đến ngày 24/12/2022 (24 ngày), số tiền lãi T được phép thu của chị T tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là $(15.000.000 \text{ đồng} \times 0,2\%/365 \text{ ngày}) \times 24 \text{ ngày} = 197.260 \text{ đồng}$. Số tiền T thu của chị T là 1.200.000 đồng - 197.260 đồng = 1.002.740 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính của chị T là 1.002.740 đồng.

Chiều ngày 24/12/2022, theo thỏa thuận với người vay T rủ anh Lâm Duy M sinh năm 1994, trú tại thôn 4, xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (M là anh họ T) sang huyện Đông Hưng để thu tiền. T đã đến chợ xã Đ để thu của chị Đặng Thị Phương L số tiền 300.000 đồng (250.000 đồng tiền gốc và 50.000 đồng tiền lãi) theo thỏa thuận, nhưng do chưa có đủ tiền nên chị L trả T 100.000 đồng (50.000 đồng tiền gốc và 50.000 đồng tiền lãi), xin nợ lại 200.000 đồng tiền gốc trả vào lần sau, T đồng ý. T đến nhà chị Nguyễn Hoài T để thu số tiền 300.000 đồng (250.000 đồng tiền gốc và 50.000 đồng tiền lãi) theo thỏa thuận, nhưng do chưa có đủ tiền nên chị T trả T 100.000 đồng (50.000 đồng tiền gốc và 50.000 đồng tiền lãi), xin nợ lại 200.000 đồng tiền gốc trả vào lần sau, T đồng ý. Khi T chở anh M đi đến trục đường thôn N, xã Đ, huyện Đông Hưng thì bị tổ công tác Công an huyện Đông Hưng phát hiện có nhiều biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu T và M về trụ sở Công an xã làm việc. Tuyên khai nhận đang đi thu tiền cho vay với lãi suất cao và giao một số đồ vật, tài liệu gồm: 01 xe mô tô hiệu Ware alpha màu trắng biển kiểm soát 17K1-508.88; 01 chiếc ví giả da bên trong có 15.000.000 đồng, 01 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng cho vay cá nhân chưa ghi nội dung, 01 tờ giấy có dòng kẻ ngang bị rách một phần lề bên phải mặt trước ghi chữ “Tháng 11, Thu, Xuất, chi, tồn”, mặt sau ghi nhiều dòng, 01 thẻ ATM của Ngân hàng MBBank mang tên DANG VAN T, 01 thẻ ATM của Ngân hàng ViettimBank mang tên DO THI M (vợ T), 01 giấy phép lái xe và 01 đăng ký xe mang tên Đặng Văn T; 4.280.000 đồng (T khai trong đó có 2 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng của chị L và T vừa trả); 01 bút bi màu xanh; thu của M 4.400.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 7plus, 01 điện thoại di động Nokia 150. Tổ công đã đưa T và M về trụ sở Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng làm việc.

Ngày 24/12/2022 Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Văn T nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Số tiền quản lý của Đặng Văn T và Lâm Duy M hiện đang được quản lý tại kho bạc nhà nước huyện Đông Hưng. 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên anh Nguyễn Như C, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã L, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội được chuyển theo hồ sơ vụ án. Các vật chứng khác được quản lý theo thủ tục vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi liên quan đều yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính cho họ.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo; Cáo trạng số 26/CT- VKSDH ngày 22/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố bị cáo về tội: “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đề nghị HĐXX kết tội bị cáo theo toàn bộ cáo trạng đã truy tố, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội: “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo phạt bị cáo từ 70 – 75 triệu đồng thời đề nghị HĐXX xử truy thu số tiền 225.469.550 đồng (bao gồm số tiền gốc là 217.349.000 đồng và lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là 8.120.550 đồng bị cáo Tuyên dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có; buộc bị cáo phải hoàn trả cho những người có quyền lợi liên quan số tiền lãi đã thu vượt quá quy định của BLDS; truy thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền nợ gốc mà họ chưa trả cho bị cáo để sung quỹ nhà nước đồng thời đề nghị xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến 01/12/2022, Đặng Văn T đã có hành vi nhiều lần cho **10** người trên địa bàn huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình vay tiền với lãi suất cao gồm: Bà Nguyễn Thị D; ông Vũ Văn T; chị Vũ Thị T, bà Trịnh Thị T; bà Nguyễn Thị N; chị Nguyễn Ngọc Á; chị Hà Thị H; Bà Lưu Thị M; Chị Đặng Thị Phương L; Chị Nguyễn Hoài T với tổng số tiền cho vay là 305.000.000 đồng với mức lãi suất 121,7%/ vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi T thu theo thỏa thuận là 48.655.000 đồng, trong đó số tiền lãi T được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.112.331 đồng đồng, số tiền T thu lời bất chính là **40.542.669** đồng (số tiền thu lời bất chính Tuyên đã thu được là 38.538.669 đồng, số tiền thu lời bất chính chưa thu được là 2.004.000 đồng).

Bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không có ý kiến tranh luận về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, điều luật áp dụng, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị.

Những người liên quan gồm bà D, ông T, chị T, bà T, chị Á, bà N, chị H, bà M, chị T, bà T vắng mặt tại phiên tòa .

Chị L có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát chị L trình bày: Sau khi sự việc xảy ra vào khoảng đầu tháng 4/2023 T có hẹn gặp chị T và chị L tại nhà chị T. Tại đây T nhờ chị L chị T và nhờ chị L sang nói với bà T để 03 người viết đơn xin giảm hình phạt cho T và nhờ các chị xác nhận nội dung trong đơn là T đã trả toàn bộ số tiền cho các chị vay thấy T đáng hoàng thương người và việc hiểu biết pháp luật kém nên chị L, chị T bà T đã viết đơn 03 lá đơn và xin xác nhận của chính quyền và đưa cho T nộp cho Tòa vào ngày 18/5/2023 còn thực tế sau ngày bị bắt T chưa trả cho chị đồng nào. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị M trình bày: Chiếc mô tô hiệu Ware alpha màu trắng biển kiểm soát 17K1-508.88 là xe của vợ chồng chị mua sử dụng chung. Hàng ngày chị M vẫn sử dụng để đi làm và đưa con đi học. Tuy nhiên khi mua xe chị M đã để chồng đi làm thủ tục đăng kí bị cáo sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội chị không biết, chị M đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe trên cho gia đình chị.

Khi nói lời sau cùng bị cáo T trình bày đến nay bị cáo biết việc mình làm là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng:

Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định có tội, căn cứ xác định vô tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với cáo trạng số 26/CT - VKSDH ngày 22/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp Biên bản sự việc và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; Biên bản giao nhận tài liệu đồ vật là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên anh Nguyễn Như C do T giao nộp phù hợp với Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lâm Duy M, bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn T, chị Vũ Thị T, bà Trịnh Thị T, chị Nguyễn Ngọc Á, chị Hà Thị H, chị

Lưu Thị M, chị Đặng Thị Phương L, chị Nguyễn Hoài T và còn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến 01/12/2022, Đặng Văn T đã có hành vi nhiều lần cho 10 người trên địa bàn huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình vay tiền với lãi suất cao gồm: Bà Nguyễn Thị D; ông Vũ Văn T; chị Vũ Thị T, bà Trịnh Thị T; bà Nguyễn Thị N; chị Nguyễn Ngọc Á; chị Hà Thị H; Bà Lưu Thị M; chị Đặng Thị Phương L; chị Nguyễn Hoài T với tổng số tiền cho vay là 305.000.000 đồng với mức lãi suất 121,7%/ vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi T thu theo thỏa thuận là 48.655.000 đồng, trong đó số tiền lãi T được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.112.331 đồng, số tiền T thu lời bất chính là **40.542.669** đồng (số tiền thu lời bất chính T đã thu được là 38.538.000 đồng, số tiền thu lời bất chính chưa thu được là 2.004.000 đồng).

Tất cả các lần cho vay đều có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng, các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ khoản 2, Điều 7, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hành vi của Đặng Văn T đã phạm vào tội “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Về tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người vay tiền. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử và áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo .

[6]*Về trách nhiệm dân sự*: Cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho những người có quyền lợi liên quan số tiền đã thu lòi bất chính – Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự: Cụ thể

Trả cho bà D số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay tháng 10/2021 là 3.342.466 đồng, khoản vay tháng 3/2022 là 1.671.233 đồng, khoản vay tháng 6/2022 là 1.671.233 đồng. Tổng là 6.684.932 đồng.

Trả cho ông T số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay tháng 11/2021 là 3.342.466 đồng, khoản vay tháng 1/2022 là 3.342.466 đồng, khoản vay tháng 3/2022 là 3.342.466 đồng, khoản vay ngày 17/12/2022 là 146.822 đồng. Tổng là 10.174.220 đồng.

Trả cho chị T số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản 02 vay tháng 01/2022, 03 khoản vay tháng 2/2022 mỗi khoản là 1.671.233 đồng. Tổng là 8.356.165 đồng.

Trả cho bà T số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản bà T đã vay vào ngày 31/8/2022 là 502.848 đồng.

Trả cho bà N số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản bà N đã vay vào ngày 16/9/2022 là 2.506. 848 đồng.

Trả cho chị Á số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản chị Á đã vay vào ngày 15/10/2022 là 2.506. 848 đồng.

Trả cho chị H số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản chị H đã vay vào ngày 22/11/2022 là 4.099. 890 đồng.

Trả cho bà M số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản bà M đã vay vào ngày 27/11/2022 là 1.701.438 đồng.

Trả cho chị L số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản chị L đã vay vào ngày 01/12/2022 là 1.002.740 đồng.

Trả cho chị T số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản bà T đã vay vào ngày 01/12/2022 là 1.002.740 đồng.

[6]*Về các biện pháp tư pháp*:

[6.1]Về tiền:

* Số tiền 200.000 đồng trong tổng số tiền 19.280.000 đồng cơ quan điều tra quản lý của Đặng Văn T liên quan đến hành vi phạm tội do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước

Số tiền 4.400.000 đồng cơ quan điều tra quản lý của anh Lâm Duy M là tiền do anh M lao động mà có cần trả lại cho anh Lâm Duy M.

Đối với số tiền 19.080.000 đồng cơ quan điều tra quản lý của T không liên quan đến hành vi phạm tội cần tiếp tục quản lý và đối trừ vào số tiền phải truy thu của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

*Đối với các khoản tiền gốc của những người liên quan đã trả cho bị cáo là 217.349.000 đồng và các khoản tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự những người liên quan đã trả cho bị cáo là 8.112.331 đồng, đây chính là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội cần truy thu để sung quỹ nhà nước cụ thể bao gồm:

- Số tiền bà D đã trả cho bị cáo là 41.315.068 đồng. Trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà bà D đã trả cho bị cáo đối với cả ba khoản bà D vay là 1.315.068 đồng (gồm khoản vay tháng 10/2021 là 657.534 đồng, tháng 3/2022 là 328.767 đồng, tháng 6/2022 là 328.767 đồng).

- Số tiền ông T đã trả cho bị cáo là 62.825.780 đồng. Trong đó tiền gốc là 60.834.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà ông T đã trả cho bị cáo đối với cả bốn khoản ông T vay là 1.991.780 đồng (gồm khoản vay tháng 11/2021 là 657.534 đồng, tháng 01/2022 là 657.534 đồng, tháng 3/2022 là 657.534 đồng, và ngày 17/12/2022 là 19.178 đồng)

- Số tiền chị T đã trả cho bị cáo là 36.643.835 đồng. Trong đó tiền gốc chị T đã trả là 35.000.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà chị T đã trả cho bị cáo đối với cả 05 khoản tiền chị T vay trong tháng 01/2022 và tháng 02/2022 là 1.643.835 đồng.

- Số tiền bà T đã trả cho bị cáo là 5.497.152 đồng. Trong đó tiền gốc là 5.004.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà bà T đã trả cho bị cáo là 493.152 đồng

- Số tiền chị N đã trả cho bị cáo là 15.493.152 đồng. Trong đó tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà chị Á đã trả cho bị cáo là 493.152 đồng .

- Số tiền chị Á đã trả cho bị cáo là 15.493.152 đồng. Trong đó tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà chị Á đã trả cho bị cáo là 493.152 đồng .

- Số tiền chị H đã trả cho bị cáo là 25.900.110 đồng. Trong đó tiền gốc là 24.996.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà chị H đã trả cho bị cáo là 904.110 đồng .

- Số tiền bà M đã trả cho bị cáo là 10.298.562 đồng. Trong đó tiền gốc là 9.915.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà bà T đã trả cho bị cáo là 383.562 đồng

- Số tiền chị L đã trả cho bị cáo là 5.997.260 đồng. Trong đó tiền gốc là 5.800.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà bà L đã trả cho bị cáo là 197.260 đồng

- Số tiền chị T đã trả cho bị cáo là 5.997.260 đồng. Trong đó tiền gốc là 5.800.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà bà T đã trả cho bị cáo là 197.260 đồng

* Đối với toàn bộ số tiền gốc 87.651.000 đồng mà những người liên quan còn nợ chưa trả bị cáo cần truy thu của những người liên quan để sung quỹ nhà nước. Cụ thể truy thu của từng người như sau:

- Số tiền gốc 4.166.000 đồng ông T chưa trả T

- Số tiền gốc 15.000.000 đồng chị T chưa trả T

- Số tiền gốc 9.996.000 đồng bà T chưa trả T;

- Số tiền gốc 25.004.000 đồng chị H chưa trả T;

- Số tiền gốc 15.085.000 đồng bà M chưa trả T;

- Số tiền gốc 9.200.000 đồng chị L chưa trả T;

- Số tiền gốc 9.200.000 đồng chị T chưa trả T

[6.2] Về đồ vật:

Đối với xe mô tô hiệu Ware alpha màu trắng biển kiểm soát 17K1-508.88; 01 giấy phép lái xe và 01 đăng ký xe mang tên Đặng Văn T. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản chung của vợ chồng T sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày của gia đình bị cáo do vậy cần trả lại cho bị cáo.

Đối với các đồ vật gồm 01 chiếc ví giả da là tài sản cá nhân của T, T không có nhu cầu nhận lại cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 bút bi thu giữ của Tuyên do giá trị sử dụng không đáng kể cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên anh Nguyễn Như C, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã L, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội là của gia đình chị Vũ Thị T cần trả lại cho chị Vũ Thị T

- Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng MBBank mang tên DANG VAN T, 01 thẻ ATM của Ngân hàng VietimBank mang tên DO THI M là các đồ vật giấy tờ cá nhân của bị cáo và chị M nhưng không liên quan đến hành vi tội của T do vậy cần hoàn trả cho chị Đỗ Thị M và bị cáo T

- 01 điện thoại di động Iphone 7plus, 01 điện thoại di động Nokia 150 cơ quan điều tra thu giữ của anh Lâm Duy M là những đồ vật không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho anh M

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định

[9] Về các vấn đề liên quan: Trong vụ án này còn có anh Lâm Duy M có hành vi góp tiền với T để cho vay lãi, tuy nhiên số tiền M đưa T chưa cho ai vay, M cũng chưa được T trả tiền lãi; ngày 24/12/2022 T chỉ rủ M đi chơi, không nói đi thu tiền cho vay nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với M.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội: “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 201, Điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 35; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Phạt Đặng Văn T số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng sung quỹ nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Văn T

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Văn T phải hoàn trả cho những người có quyền lợi liên quan số tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong đó T phải hoàn trả cho:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965, HKTT: thôn Đ, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền là 6.684.932 đồng;

Ông Vũ Văn T, sinh năm 1969, HKTT: thôn K, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền là 10.174.220 đồng;

Chị Vũ Thị T, sinh năm 1984, HKTT: Thôn V, xã L, huyện Ứng Hòa, Tp Hà Nội (hiện đang tạm trú tại xã Đ, huyện Đông Hưng) số tiền là 8.355.165 đồng;

Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1960, HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền là 502.848 đồng;

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960, HKTT: Thôn T, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, số tiền là 2.506.848 đồng;

Chị Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1996, HKTT: Thôn T, xã Đ, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình, số tiền là 2.506.848 đồng;

Chị Hà Thị H, sinh năm 1979, HKTT: Thôn C, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, số tiền là 4.099.890 đồng;

Bà Lưu Thị M, sinh năm 1961, HKTT: Thôn Bắc Lịch Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, số tiền là 1.701.438 đồng;

Chị Đặng Thị Phương L, sinh năm 1982, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền là 1.002.740 đồng;

Chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1984, HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền là 1.002.740 đồng.

4. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

4.1. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng đựng trong phong bì thu giữ của bị cáo Đặng Văn T là vật chứng vụ án.

4.2. Truy thu của bị cáo Đặng Văn T toàn bộ số tiền 225.461.331 đồng bao gồm số tiền gốc là 217.349.000 đồng và lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là 8.112.331 đồng, mà bà D, ông T, chị T, bà T, chị Á, chị H, bà M, chị L, chị T đã trả cho bị cáo T để sung quỹ nhà nước. Chuyển số tiền 19.280.000 đồng trong đó có 200.000 đồng là tiền vật chứng vụ án đã tịch thu của bị cáo và 19.080.000 đồng là tiền cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo sang và đối trừ vào tiền truy thu đối với bị cáo, bị cáo còn phải nộp 206.181.000 đồng. (làm tròn số).

4.3. Truy thu toàn bộ số tiền gốc mà những người liên quan còn nợ chưa trả bị cáo để sung quỹ nhà nước bao gồm:

- Truy thu của ông Vũ Văn T, sinh năm 1969 HKTT: thôn K, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 4.166.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Truy thu của chị Vũ Thị T, sinh năm 1984, HKTT: Thôn V, xã L, huyện Ứng Hòa, Tp Hà Nội Tuyền số tiền 15.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Truy thu của bà Trịnh Thị T, sinh năm 1960, HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 9.996.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Truy thu của chị Hà Thị H, sinh năm 1979, HKTT: Thôn C, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 25.004.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Truy thu của bà Lưu Thị M, sinh năm 1961, HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 15.085.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Truy thu của chị Đặng Thị Phương L, sinh năm 1982 HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 9.200.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Truy thu của chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1984, HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 9.200.000 đồng sung quỹ nhà nước.

4.4. Hoàn trả cho chị Vũ Thị T, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã L, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên anh Nguyễn Như C, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã L, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội là chồng chị Vũ Thị Tuyền.

- Hoàn trả cho bị cáo T 01 xe mô tô hiệu Ware alpha màu trắng biển kiểm soát 17K1-508.88; 01 đăng ký xe mang tên Đặng Văn T, 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ ATM của Ngân hàng MBBank mang tên DANG VAN T

- Hoàn trả chị Đỗ Thị M vợ bị cáo Tuyên 01 thẻ ATM của Ngân hàng ViettimBank mang tên DO THI M;

- Hoàn trả cho anh Lâm Duy M 4.400000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 7plus, 01 điện thoại di động Nokia 150.

4.5. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ví giả da; 01 bút bi.

Các đồ vật hoàn trả và tiêu hủy trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày **23/3/2023**.

5.Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án ngày 13/6/2023. Những người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người có quyền lợi liên quan
- Công an huyện Đông Hưng
- VKSND huyện Đông Hưng
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.
- Chi cục T.HADS huyện Đông Hưng
- UBND H, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Hà Thị Nhung

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ